

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 138/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 6- 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Đỗ Viết Hoan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn D, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ hiện nay: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Hữu Q, sinh năm 1988, nơi ĐKKHKT; Thôn D, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Hữu Q qua tìm hiểu, tự nguyện yêu thương, lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 09/11/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được 07 năm, thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong sinh hoạt

gia đình, mâu thuẫn giữa chị với gia đình bên chồng, nhưng anh Q không quan tâm, chia sẻ với vợ, nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân trở nên ngột ngạt, căng thẳng. Đến tháng 02/2023 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, chị không thể chịu đựng được nữa, nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, giữa vợ chồng không còn qua lại với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 01/8/2016, hiện tại con đang ở với chị. Ly hôn, nguyện vọng của chị H là xin được trực tiếp nuôi con, chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị H xác định vợ chồng không có gì, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Lê Hữu Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H qua tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 09/11/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2020 thì giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong sinh hoạt gia đình, mâu thuẫn giữa chị H với gia đình anh và việc chị H có quan hệ tình cảm với người khác, bỏ đi chơi nhiều ngày, nên vợ chồng có xảy ra cãi vã, anh đã tha thứ nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm. Đến tháng 02/2023 thì chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị H một mực yêu cầu ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên anh đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Anh Q xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 01/8/2016, hiện tại con đang ở với chị H. Quan điểm của anh là xin được trực tiếp nuôi con, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh Q xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 15/5/2023 đại diện Ủy ban nhân xã X cho biết: Anh Lê Hữu Q và chị Lê Thị H có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 09/11/2013. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng đã có 01 con chung là cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 01/8/2016. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng thì chính quyền địa phương không nắm bắt được.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Lê Hữu Q.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 01/8/2016 cho chị Lê Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Lê Hữu Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị H khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Lê Hữu Q, cư trú tại: Thôn D, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Hữu Q tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/11/2013, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2020 thì tình cảm giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình, vợ chồng không còn sự tin tưởng, tôn trọng và chia sẻ với nhau. Từ tháng 02/2023 vợ chồng đã ly thân đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần, nhưng chị H vẫn một mực đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; anh Q cũng có ý kiến xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Lê Hữu Q.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Lê Hữu Q đều xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 01/8/2016.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị H và anh Q, thấy rằng: Chị H và anh Q đều có đủ các điều kiện để được trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, xét con chung là cháu N hiện đang ở ổn định với chị H, được chị H chăm sóc nuôi dưỡng tốt; Hơn nữa cháu N là con gái, lại đang ở độ tuổi phát triển về thể chất và sinh lý

nữ, nên việc giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ có nhiều thuận tiện hơn trong việc chăm sóc và chia sẻ với con; nếu giao con cho anh Q nuôi dưỡng sẽ gặp nhiều khó khăn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần thiết giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H khẳng định có đủ điều kiện để nuôi con và có ý kiến không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị H và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Do đó, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị H và anh Lê Hữu Q đều có ý kiến xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Lê Hữu Q.

2. Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Lê Hữu Q có 01 (một) con chung là cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 01/8/2016.

Giao con chung là cháu Lê Thị Yến N cho chị Lê Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Lê Hữu Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Hữu Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị H và anh Lê Hữu Q thống nhất không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014619 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Lê Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Lai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến